

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27 /2019/HS-ST  
Ngày: 06 - 8 - 2019

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH ĐỒNG THÁP**

*- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Lê Thanh Mai.

*Các Hội thẩm Nhân dân:* 1. Ông Đỗ Minh Tân.

2. Ông Lê Anh Việt.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Lâm Hoàng Huỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

*- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:* Ông Trịnh Hiếu Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Long G; không có tên gọi khác; giới tính: Nam; sinh năm 1981, tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1945 (còn sống) và bà Lê Thị N, sinh năm 1950 (còn sống); anh, chị em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ nhất; vợ: Đặng Thị D, sinh năm 1986 (đã ly hôn); bị cáo có hai con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền sự: không; tiền án: Ngày 29/3/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố S xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/2/2018 (chưa được xóa án tích); tạm giam: Ngày 12/4/2019, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Đồng Tháp) (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Đặc điểm nhân thân của bị cáo: Ngày 19/5/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xét xử phúc thẩm, xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; chấp hành xong bản án ngày 07/8/2013 (đã xóa án tích).

*Bị hại:*

1. Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1983; cư trú: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1982; cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; (vắng mặt)

3. Bà Lê Thị L, sinh năm 1961; cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; (vắng mặt)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Trường S, sinh năm 1967; cư trú: Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

2. Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1978; cư trú: ấp T, xã T, huyện C, TP. Cần Thơ. (vắng mặt)

*- Người làm chứng:*

1. Phạm Thành T, sinh năm 1981; cư trú: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; (vắng mặt)

2. Lê Quốc D, sinh năm 1979; cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; (vắng mặt)

3. Trần Tấn D, sinh năm 1973; cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/3/2017, Nguyễn Long G bị Toà án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/02/2018, bị cáo tiếp tục thực hiện các hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào ngày 10/10/2018 trong lúc nhậu tại chợ xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, Nguyễn Long G gặp Nguyễn Thành T và Phạm Thành T (tên gọi khác là Tèo) cùng ngụ xã T nhậu ở bàn bên cạnh nên đến làm quen. Đến ngày 11/10/2018, G gặp T và Tèo ở chợ xã T nên rủ nhậu, sau khi nhậu xong T rủ G và Tèo đến nhà mình thuộc ấp A, xã T nhậu tiếp. Trong lúc T đang làm thức ăn thì G hỏi mượn xe mô tô biển số 55Z5-3029 của T đi mua card điện thoại di động dùng T, T đồng ý. Sau đó, G điều khiển xe mô tô của anh Nguyễn Thành T đến tiệm cầm đồ “V” thuộc khóm x, phường y, thành phố S do anh Nguyễn Trường S làm chủ, cầm xe lấy 5.000.000đ, sau khi đã tiêu xài hết số tiền cầm xe của anh T thì G đến tiệm “V” bán xe của anh T lấy thêm 1.000.000đ để tiêu xài.

Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C định giá và kết luận xe mô tô biển số 55Z5-3029 của anh Nguyễn Thành T bị Nguyễn Long G chiếm đoạt ngày 11/10/2018, trị giá 8.000.000đ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ và trao trả xe mô tô biển số 55Z5-3029 cho anh Nguyễn Thành T. Anh T đã nhận lại xe bị mất, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Qua điều tra xác định khi nhận cầm và mua xe của G, anh S không biết tài sản do phạm tội mà có nên yêu cầu Nguyễn Long G trả lại số tiền cầm và bán xe là 6.000.000đ. Nguyễn Long G đồng ý nhưng chưa có tiền bồi thường.

Lần thứ hai: khoảng 08 giờ ngày 28/11/2018, Nguyễn Long G đến nhà của ông Lê Hoàng P, sinh năm 1952, ngụ ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nhậu cùng với Lê Quốc D (con ông P), Nguyễn Văn D (bạn của G) và một số người hiện chưa rõ họ tên. Nhậu xong, G hỏi mượn xe mô tô biển số 66H9-2934 của Nguyễn Văn D để về nhà mẹ ruột ở xã T, khi mượn thì bên trong cốp xe có 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab 3. Sau khi mượn xe, G liền chạy đến quán nhậu “Thu Hiền” thuộc xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp uống rượu cùng với Nguyễn Thị Đ (là tiếp viên của quán), nhậu xong do không có tiền trả nên G đưa máy tính bảng để trong cốp xe của Nguyễn Văn D cho Đ để trả tiền nhậu, do chủ quán không đồng ý nên Đ lấy tiền của mình trả chủ quán và giữ lại máy tính bảng sử dụng. Đến ngày 01/12/2018, Nguyễn Long G mang xe mô tô mượn của Nguyễn Văn D đến khu vực công viên Bác Hồ thuộc thành phố S bán xe cho hai người thanh niên lạ mặt (01 nam, 01 nữ) không rõ đặc điểm, họ tên, địa chỉ với giá 2.000.000đ. Số tiền bán xe, G tiêu xài cá nhân hết.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C định giá và kết luận: 01 xe mô tô biển số 66H9-2934 trị giá 6.000.000đ và 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab 3 trị giá 1.200.000đ; tổng trị giá tài sản mà Nguyễn Long G chiếm đoạt của Nguyễn Văn D là 7.200.000đ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tạm giữ và trao trả cho Nguyễn Văn D 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab 3 do Nguyễn Thị Đ nộp.

Đối với xe mô tô biển số 66H9-2934 do Nguyễn Long G không nhớ đặc điểm, họ tên, địa chỉ của người mua nên chưa thu hồi được. Nguyễn Văn D yêu cầu G bồi thường 6.000.000đ, G đồng ý nhưng chưa có tiền bồi thường. Đối với Nguyễn Thị Đ khi nhận giữ máy tính bảng không biết là tài sản do phạm tội mà có. Đ không yêu cầu Nguyễn Long G trả lại tiền đã trả cho chủ quán nhậu.

Lần thứ ba: Vào sáng ngày 12/3/2019, Nguyễn Long G đến nhà dì ruột là Lê Thị L, sinh năm 1961, ngụ ấp T, xã T nhậu cùng với chồng bà L. Khi đi vệ sinh G phát hiện xe mô tô biển số 66C1-171.49 của bà L đậu ở gian nhà trước, chìa khóa còn trên xe nên nảy sinh ý định lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài. Lợi dụng lúc mọi người không chú ý, G dẫn xe ra khỏi nhà rồi chạy đến Sầm xe nhưng không được. Đến ngày 13/3/2019, G mở cốp xe thấy có giấy đăng ký xe nên mang xe đến tiệm mua bán xe cũ đối diện bến xe S gặp Trần Tấn D, sinh năm 1973, ngụ ấp T, xã T, huyện C bán xe. D đồng ý mua với giá 14.500.000đ, nhưng đưa trước cho G 13.500.000đ, khi nào làm xong thủ tục mua bán sẽ G tiếp 1.000.000đ. Số tiền bán xe, Nguyễn Long G tiêu xài cá nhân hết.

Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C định giá và kết luận xe mô tô biển số 66C1-171.49 mà Nguyễn Long G lấy trộm của bà Lê Thị L trị giá 16.000.000đ.

Sau khi sự việc xảy ra, bà Lê Thị L đã tìm gặp Trần Tấn D thỏa thuận chuộc lại xe giá 13.600.000đ. Bà L có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Long G và trình bày số tiền của bà đã được cha bị cáo trả lại xong, không yêu cầu Long G bồi thường gì thêm. Đối với Trần Tấn D khi mua xe không biết xe do G lấy trộm, đồng thời bà L đã đưa tiền chuộc xe nên không có yêu cầu gì.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Long G đã khai nhận như nội dung nêu trên phù hợp với lời khai bị hại, nhân chứng cùng các tang vật thu được.

Ngoài ra, G còn khai nhận vào khoảng 20 giờ ngày 04/12/2018, G cùng với Nguyễn Văn Hiền, sinh năm 1968, ngụ ấp T, xã T đến quán cà phê tại thành phố Suối nước. Trong lúc uống nước, G hỏi mượn xe mô tô biển số 66C1-130.20 của anh H đi công việc thì H đồng ý, sau đó G mang xe này đến tiệm cầm đồ “V” cầm xe lấy 5.000.000đ tiêu xài cá nhân hết. Ngày 18/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C có công văn gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố S thông tin vụ việc, nhưng chưa có kết quả điều tra của Công an thành phố S.

Tại bản Cáo trạng số: 32/CT-VKS-CT ngày 18/6/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Nguyễn Long G về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng truy tố về tội danh, khung hình phạt, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ Luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Long G về tội “Trộm cắp tài sản” với mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Long G về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” với mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

- Áp dụng điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt bị cáo Nguyễn Long G về tội “Trộm cắp tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” với mức án từ 30 tháng đến 39 tháng tù.

Trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Nguyễn Văn T, Lê Thị L đã nhận lại tài sản bị mất không yêu cầu bồi thường; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Đ không yêu cầu bồi thường nên không đề cập;

- Đối với yêu cầu của bị hại Nguyễn Văn D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trường S đề nghị Tòa án nhân dân huyện C áp dụng

Điều 48 Bộ luật Hình sự, buộc Nguyễn Long G bồi thường cho anh D6.000.000đ và bồi thường cho anh S 6.000.000đ;

Xử lý vật chứng: không.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo nhận tội, không tranh luận với Kiểm sát viên và xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Qua điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện C trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Long G phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra và những tài liệu, chứng cứ thu thập khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó, đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ 10/10/2018 đến ngày 28/11/2018, Nguyễn Long G đã 02 lần lợi dụng mối quan hệ quen biết, mượn tài sản có tổng trị giá: 15.200.000đ, mang bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Cụ thể:

Ngày 11/10/2018, Nguyễn Long G hỏi mượn xe mô tô biển số 55Z5-3029 trị giá 8.000.000đ của Nguyễn Thành T đi mua card điện thoại, rồi mang xe đến tiệm cầm đồ “V” thuộc khóm x, phường y, thành phố S bán lấy 6.000.000đ tiêu xài cá nhân.

Đến ngày 28/11/2018, Nguyễn Long G hỏi mượn xe mô tô biển số 66H6-2934, bên trong cốp xe có 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab 3 tổng trị giá 7.200.000đ của Nguyễn Văn D là bạn của bị cáo, sau đó lấy máy tính bảng đưa cho Nguyễn Thị Đ để trả tiền nhậu bán xe của anh D lấy 2.000.000đ tiêu xài cá nhân.

Ngoài ra, vào ngày 12/3/2019, Nguyễn Long G còn đến nhà dì ruột là Lê Thị L, ngụ ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp lấy trộm xe mô tô biển số 66C1-171.49 trị giá 16.000.000đ mang bán cho anh Trần Tấn D lấy 13.500.000đ tiêu xài cá nhân.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Long G đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

[3] Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, bị cáo sống cùng cha mẹ già, hộ gia đình cận nghèo, vợ chồng bị cáo ly hôn, có hai con chưa thành niên đang sống cùng bị cáo. Do đó,

Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xem các tình tiết này là các tình tiết giảm nhẹ khác, khi quyết định hình phạt về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” đối với bị cáo.

Ngoài ra, bà Lê Thị L đã được gia đình bị cáo bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả xong và có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “khắc phục hậu quả” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và tình tiết bị hại xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi xem xét hình phạt tội “Trộm cắp tài sản”.

[4] Bị cáo thực hiện hai lần hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, nên áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 2 lần trở lên”, được quy định tại điểm g khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự, khi xem xét hình phạt đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Đồng thời, bị cáo chưa được xóa án tích, lại phạm tội 02 tội do cố ý, nên áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự, để xem xét quyết định hình phạt bị cáo đối với hai tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

[5] Bị cáo cố ý xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự, trị an ở địa P. Bị cáo đã từng chấp hành hình phạt tù về tội cố ý gây thương tích, bị cáo chưa được xóa án tích về tội trộm cắp tài sản, sau khi chấp hành xong hình phạt tù không bao lâu, bị cáo liên tục thực hiện hành vi phạm tội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của người khác. Cho thấy bị cáo xem thường pháp luật, không chịu cải tạo, lao động làm ăn chân chính, mà lợi dụng lòng tin từ các mối quan hệ quen biết, chiếm đoạt tài sản và tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự nêu trên, phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng hình phạt nghiêm có thời hạn đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để tiếp tục cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại Nguyễn Văn T và Lê Thị L đã nhận lại tài sản bị mất; người có quyền lợi liên quan Nguyễn Thị Đ không yêu cầu bồi thường, nên không xem xét, giải quyết;

+ Bị hại anh Nguyễn Văn D và anh Nguyễn Trường S yêu cầu Nguyễn Long G bồi thường cho anh D 6.000.000đ và bồi thường cho anh S 6.000.000đ. Bị cáo chấp nhận theo yêu cầu của anh D và anh S. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho anh D 6.000.000đ và cho anh S 6.000.000đ.

[7] Về xử lý vật chứng: không có.

[8] Những vấn đề khác: Đối với hành vi của bị cáo mượn xe của anh H và mang đi cầm cố trên địa bàn thành phố S, thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan tiến hành tố tụng của thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

[9] Bị cáo thuộc diện hộ gia đình cận nghèo, do đó áp dụng Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Long G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Long G 09 (chín) tháng tù.

**2.** Căn cứ: Khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ Luật Hình sự 2015;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Long G phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Long G 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

**3.** Căn cứ: Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tổng hợp hành phạt: Bị cáo phải chấp hành 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12 tháng 4 năm 2019.

**4.** Căn cứ: Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Long G bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Văn D 6.000.000đ và bồi thường cho anh Nguyễn Trường S 6.000.000đ.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn D và anh Nguyễn Trường S có đơn yêu cầu thi hành án, mà bị cáo Nguyễn Long G chưa thi hành số tiền trên, thì hàng tháng bị cáo G còn phải trả tiền lãi của số tiền chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

**5.** Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ Luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Long G được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

**6.** Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,b và Điều 9

Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Tòa án Tỉnh (01 bản);
- Viện Kiểm sát nhân dân  
Huyện Châu Thành (02 bản);
- Công an Huyện (03 bản);
- Chi cục Thi hành án  
Dân sự Huyện (01 bản);
- Thi hành án hình sự (02 bản);
- Sở Tư pháp (01 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Lưu án văn và Văn phòng (02 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**( Đã ký)**

**Nguyễn Lê Thanh Mai**